

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM-PT

Ngày: 28/4/2023

V/v: “T/c hợp đồng mua bán hàng
hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng D**

- *Các thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Thùy T**

Bà **Hà Thị Phương T**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Đ** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Đông Thị Thanh N** - kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 đến 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24 /2022/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXX-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 42/2022/KDTM.ST ngày 17/10/2022 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH TM&DV ĐD**

Địa chỉ: Số 79 đường Trần Quang Khải, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đào Thị Tuyết S.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Danh Lý K**, bà **Nguyễn Thị Bảo T** - Văn bản ủy quyền 22/02/2023 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Minh Phú, Thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Công ty CPĐTKTCNTP**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn M** – Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: 29 Nguyễn Huệ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*** Người kháng cáo: Công ty TNHH TM&DV ĐD**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18-01-2022 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Thành Vĩnh T trình bày:*

Ngày 23/11/2020, Công ty TNHH DK Leather (nay là Công ty TNHH TM&DV ĐD), (viết tắt Công ty ĐD) có ký hợp đồng mua bán số 16-11/2020/HĐMB với Công ty CPĐTKTCNTP (viết tắt Công ty TP). Theo đó Công ty ĐD đồng ý mua của Công ty TP 134.831 tấm PIN MONO 445 Wp với giá 39.602.508.000 đồng. Công ty ĐD thanh toán cho Công ty TP 10% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng, số tiền còn lại Công ty ĐD sẽ thanh toán cho Công ty TP trước khi nhận hàng tại công trình của Công ty ĐD.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 25/11/2020 Công ty ĐD đã ký ủy nhiệm chi số tiền 3.960.250.800 đồng cho Công ty TP (tương đương 10% giá trị hợp đồng).

Tại Điều 2 Hợp đồng thỏa thuận thời gian, địa điểm giao hàng: Thời gian giao hàng dự kiến là từ ngày 25/11/2020 đến 02/12/2020, thời gian giao hàng chậm nhất là ngày 02/12/2020. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty TP vẫn không giao hàng cho Công ty ĐD theo đúng thỏa thuận.

Khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng quy định: Trong trường hợp bên B không bàn giao thiết bị theo đúng thời gian, số lượng, chất lượng và các thông số kỹ thuật hàng hóa như đã quy định thì bên B phải chịu phạt 0,1%/ngày trên giá trị hàng chậm giao (thời gian chậm không quá 07 ngày). Tính đến thời điểm này, Công ty TP vẫn chưa giao đợt hàng nào nên phải chịu phạt 0,1%/ngày x 39.602.508.000đ x 7 ngày = 277.217.556 đồng.

Khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng quy định: Bên B vi phạm thì bên B chịu 20% trên giá trị hợp đồng và đồng thời hoàn tiền cọc như đã nhận. Do Công ty TP vi phạm nghĩa vụ giao hàng, vi phạm hợp đồng nên phải chịu phạt theo khoản 8.3 Điều 8 Hợp đồng như đã viện dẫn trên. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại thì mức phạt không quá 8% giá trị hợp đồng nên Công ty ĐD chỉ yêu cầu Công ty TP chịu mức phạt là 8% với số tiền là 39.602.508.000 đồng x 8% = 3.168.200.640 đồng.

Công ty ĐD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TP có trách nhiệm trả cho Công ty ĐD số tiền 3.445.418.196 đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Đối với số tiền Công ty ĐD đã chuyển trước, Công ty ĐD không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 24/02/2022, Công ty ĐD có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty TP có trách nhiệm trả cho Công ty ĐD số tiền 3.960.250.800 đồng tiền cọc theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020. Tổng số tiền cọc và tiền phạt hợp đồng đề nghị Tòa án buộc Công ty TP có trách nhiệm trả cho Công ty ĐD 7.405.668.996 đồng.

** Trong đơn phản tố ngày 24/11/2021 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của bị đơn – ông Vũ Ngọc Chữ trình bày:*

Vào ngày 23/11/2020, Bên A Công ty TNHH DK Leather và Bên B Công ty TP có ký Hợp đồng mua bán Tấm pin MONO 445wp (pin năng lượng mặt trời) số 16-11/2020/HĐMB với giá trị Hợp đồng là: 39.602.508.000 đồng, phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 10% ngay sau khi ký Hợp đồng là 3.960.250.800 đồng. Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại 35.642.330.000 đồng trước khi nhận hàng tại công trình thi công của bên A.

Tuy nhiên, bên A đã không thực hiện đúng hợp đồng, cụ thể về thời gian đặt cọc và hợp đồng có sai sót quá lớn về số lượng cũng như giá trị dẫn đến bên B không thể thực hiện hợp đồng:

+ Đặt cọc vào ngày dự kiến giao hàng ngày 25/11/2020 thay vì ngay sau khi ký hợp đồng là ngày 23/11/2020. Do giá trị hợp đồng lớn, thời gian thực hiện hợp đồng ngắn, và bên B phải tiến hành ký hợp đồng với nhà cung cấp mới có hàng giao cho bên A. Nhưng sau khi ký hợp đồng bên A đã trễ nải thời gian đặt cọc, làm bên B không thể thực hiện ký hợp đồng đặt hàng với nhà cung cấp. Do vậy bên B đã thông báo cho bên A biết là không thực hiện hợp đồng số 16 ngày 23/11/2020 và bên A đã đồng ý chuyển số tiền đặt cọc hợp đồng ngày 23/11/2020 sang để thanh toán cho các hợp đồng khác, bởi vì ngoài hợp đồng số 16-11/2020/HĐMB ký ngày 23/11/2020 giữa hai bên còn thực hiện nhiều hợp đồng khác nữa. Cụ thể các Hợp đồng số 17-11/2020 HĐMB ngày 17 tháng 11 năm 2020; Hợp đồng số: 02-12/2020 HĐMB ngày 02/12/ 2020.

+ Hợp đồng tranh chấp số 16-11/2020/HĐMB có sai sót lớn về giá trị hợp đồng và số lượng chủng loại vật tư. Cụ thể: Số lượng nhân với đơn giá không đúng bằng số thành tiền. Cụ thể theo hợp đồng: Số tấm pin 134.831.461 tấm nhân với đơn giá 2.937.000 thành tiền 39.602.508.000 đồng. Thực tế số tấm pin 134.831.461 tấm nhân với đơn giá 2.937.000 đồng thành tiền không phải bằng

39.602.508.000 đồng mà bằng 396.000.294.657.000 đồng, số lượng sai sót quá lớn. Mặt khác phần mô tả trong chủng loại vật tư là tấm pin Mono 445wp chỉ có số lượng là 2.304 tấm, trong khi phần số lượng 134.831.461 tấm. Như vậy thì số lượng nào đúng? Đây là số liệu không phù hợp trong hợp đồng.

Do toàn bộ hợp đồng là của bên Công ty DK Leather soạn thảo, nên khi phát hiện có sai sót trong hợp đồng, phía Công ty TP đã điện thoại yêu cầu hủy hợp đồng, không thực hiện và Công ty sẽ chuyển trả lại tiền cho Công ty DK Leather. Nhưng phía Công ty DK Leather đề nghị Công ty TP giữ lại số tiền đã chuyển, để thanh toán cho các hợp đồng khác và hai bên đã thống nhất không thực hiện hợp đồng ký số 16-11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 và chuyển phần tiền ứng trước để thanh toán cho các hợp đồng tiếp theo. Tuy nhiên, Sau đó Công ty TP vẫn chuyển trả lại tiền hàng cho Công ty TNHH DK Leather.

Việc thỏa thuận không thực hiện Hợp đồng số 16-11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 và dùng số tiền đặt cọc này sang để thanh toán cho các hợp đồng khác còn thể hiện qua các số liệu, chứng cứ sau:

+ Các giao dịch giữa Công ty TP của bên B và Công ty TNHH DK Leather với sự luân chuyển lớn hơn giá trị 3.445.418.196 đồng nhiều lần. Cụ thể hai bên đã ký kết các Hợp đồng: Ngày 14-11-2020 HĐ số: 14-11/2020 HĐMB giá trị 13.401.842.500 đồng; ngày 15/11/2020 HĐ số: 15-11/2020 HĐMB giá trị 1.964.655.000 đồng; ngày 15/11/2020 HĐ số: 15-11/2020 HĐMB giá trị 6.702.412.000 đồng; ngày 23/11/2020 HĐ số: 17-11/2020 HĐMB giá trị 3.512.880.000 đồng; ngày 02/12/2020 HĐ số: 02-12/2020 HĐMB giá trị 15.289.560.000 đồng.

+ Sao kê của Ngân hàng Sài Gòn Công Thương Cần Thơ ngày 22/11/2021 thể hiện số giao dịch mà Công ty TP đã chuyển trả lại tiền hàng cho Công ty TNHH DK Leather theo số HĐ 16-11/2020 HĐMB ngày 23/11/2020 cụ thể: Ngày 10/12/2020 với chứng từ số: 7574861136 số tiền 600.000.000 đồng; ngày 14/12/2020 với chứng từ số: 7593047174 số tiền 2.600.000.000 đồng; ngày 22/12/2020 với chứng từ số: 7629482294 số tiền 300.000.000 đồng; ngày 23/12/2020 với chứng từ số: 7634032709 số tiền 1.300.000.000 đồng; ngày 28/12/2020 với chứng từ số: 7657023894 số tiền 500.000.000 đồng.

+ Bản đối chiếu công nợ giữa hai công ty, qua tài khoản Công ty TP của bên B và Công ty TNHH DK Leather cũng như tài khoản cá nhân, do bà Đào Thị Tuyết S ký xác nhận tính từ ngày 23/11/2020 đến hết ngày 25/12/2020 thể hiện giao dịch giữa hai bên tại Viettin Bank: Công ty TP còn nợ Công ty TNHH DK Leather số tiền là 417.392.850 đồng.

Căn cứ theo Đơn khởi kiện của Công ty ĐD, cũng không nhắc đến hoặc đòi lại số tiền đặt cọc mà Công ty TNHH DK Leather đã chuyển ngày 25/11/2020, mà chỉ yêu cầu đòi tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Điều này có nghĩa là số tiền đặt cọc đã được hai bên giải quyết xong và thể hiện không còn nợ vào cuối năm 2020, cụ thể bên Công ty TP chỉ còn nợ Công ty TNHH DK Leather số tiền là 417.392.850 đồng như ký kết xác nhận công nợ giữa hai bên của bà Đào Thị Tuyết S.

Ngày 02/12/2021, Công ty TP có đơn phản tố yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng số 16-11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 do vô hiệu và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn chỉ phát hiện có sai sót về số lượng tấm pin trong Hợp đồng mua bán số 16_11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 khi nguyên đơn chuẩn bị khởi kiện, sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung hợp đồng (bởi vì cột số lượng là 13.484 tấm nhưng do sai sót thành 134.831.461 tấm; cột tổng tiền hàng 39.602.508.000 đồng vẫn đúng theo 13.484 tấm x 2.937.000 đồng). Nguyên đơn đã chuyển tiền cọc 3.960.250.800 đồng (tương đương 10% giá trị của hợp đồng) theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020, phía bị đơn đã nhận tiền cọc và không có bất cứ văn bản nào để thông báo cho nguyên đơn biết về sự sai sót số lượng trong hợp đồng cũng như không có bất cứ văn bản nào đề nghị chấm dứt hợp đồng số 16 và chuyển tiền cọc 3.960.250.800 đồng cho các hợp đồng mua bán khác. Bị đơn vẫn không giao hàng cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền tổng cộng 3.445.418.196 đồng và trả tiền nguyên đơn đã chuyển cọc 3.960.250.800 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020. Do bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn chỉ thống nhất chấm dứt hợp đồng số 16 theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng, nguyên đơn không đồng ý tuyên vô hiệu hợp đồng số 16 theo yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Phía nguyên đơn không thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng, chuyển tiền cọc không đúng thời gian theo hợp đồng, hợp đồng nguyên đơn soạn thảo có sai sót quá lớn về giá trị hợp đồng và số lượng chủng loại vật tư, số lượng bên cột chủng loại vật tư 2304 và số lượng 134.831.461 nhân với đơn giá không đúng với số tiền 39.602.508.000 đồng theo hợp đồng nên bị đơn đã điện thoại thông báo cho nguyên đơn biết và đề nghị không thực hiện hợp đồng này và bị đơn chuyển

trả lại cho nguyên đơn số tiền nguyên đơn đã chuyển trước hoặc số tiền này để thực hiện cho các hợp đồng sau. Bị đơn đã chuyển khoản trả tiền lại cho nguyên đơn nhiều lần (theo bản sao kê chi tiết tài khoản của bị đơn thể hiện nội dung chuyển trả lại tiền hàng) với số tiền tổng cộng là 5.300.000.000 đồng, trong đó có số tiền 3.960.250.800 đồng theo hợp đồng số 16. Bị đơn đã chuyển trả hết cho nguyên đơn nên đối chiếu công nợ đến ngày 25/12/2020 bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 417.329.850 đồng. Do hợp đồng số 16 có sai sót, nhầm lẫn về số lượng nên bị đơn phản tố yêu cầu tuyên hủy hợp đồng số 16 vô hiệu do nhầm lẫn hoặc do gian dối, về hậu quả của hợp đồng vô hiệu bị đơn đã trả hết số tiền 3.960.250.800 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng và trả tiền cọc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 42/2022/KDTM.ST ngày 17/10/2022 của TAND quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM&DV ĐD đối với bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP về việc buộc Công ty CPĐTKTCNTP trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng và trả tiền cọc theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP

Tuyên bố Hợp đồng mua bán số 16-11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 ký giữa Công ty TNHH TM&DV ĐD với Công ty CPĐTKTCNTP vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 28/10/2022 nguyên đơn Công ty TNHH TM&DV ĐD có đơn kháng cáo, cho rằng án sơ thẩm xử chưa xem xét đánh giá các chứng cứ một cách khách quan nên ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc phạt vi phạm hợp đồng của số tiền 3.445.418.198 đồng. Giữ nguyên yêu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cọc là 3.960.250.800 theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020.

Quan điểm của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo qui định Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không tổng đạt được nên niêm yết xử vắng mặt là đúng qui định.

- Về nội dung: Trên cơ sở xem xét tài liệu chứng cứ; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là phù hợp luật định nên cần đình

chỉ; đối với yêu cầu trả tiền cọc theo uỷ nhiệm chỉ thấy rằng toà sơ thẩm bác yêu cầu nhưng nguyên đơn kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ nào khác, nên không có cơ sở để xem xét, việc tuyên bố hợp đồng 16 là vô hiệu được giữ nguyên. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, y án sơ thẩm về các phần khác. Bác kháng cáo của nguyên đơn.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 18/6/2021 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/01/2022, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng mua bán và trả tiền cọc theo uỷ nhiệm chỉ ngày 25/11/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, đều nhằm mục đích lợi nhuận do đó xác định đây là loại kiện tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có trụ sở hoạt động kinh doanh tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và lập thủ tục niêm yết theo qui định nhưng vắng mặt. Vì vậy áp dụng khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định.

[3] *Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét buộc bị đơn phải trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền cọc mà bị đơn đã nhận phải trả lại cho nguyên đơn.*

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 16_11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 (viết tắt Hợp đồng số 16) cho thấy giữa nguyên đơn Công ty TNHH DK Leather (nay là Công ty TNHH TM&DV ĐD) và bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP có ký hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Điều 1 và Điều 2 của hợp đồng này thể hiện: Nguyên đơn mua tám PIN MONO 445 Wp của bị đơn với số lượng 134.831.461 tấm, đơn giá 2.937.000 đồng, thành tiền 39.602.508.000 đồng, nguyên đơn thanh toán cho bị đơn 10% sau khi ký hợp đồng là 3.960.250.800 đồng; phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 10% sau khi lý hợp đồng là 3.960.250.800 đồng, bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại 35.642.330.000 đồng trước khi nhận hàng tại công trình thi công của bên A; thời gian giao hàng dự

kiến từ ngày 25/11/2020 đến ngày 02/12/2020....Ngày 25/11/2020 nguyên đơn đã ký ủy nhiệm chi trả cho bị đơn số tiền 3.960.250.800 đồng (tương đương 10% giá trị hợp đồng), do bị đơn không giao hàng đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng 16 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng tổng cộng 3.445.418.196 đồng.

Hợp đồng số 16 tại mục 1.2 Điều 1, cột “Chủng loại vật tư” thể hiện: Tấm PIN MONO 445 wp, hãng sản xuất: Canadian, công suất 445 wp đơn tinh thể, số lượng: 2304 tấm..., cột “Số lượng” thể hiện 134.831.461 tấm, cột “Đơn giá” thể hiện số tiền 2.937.000 đồng, cột “Thành tiền” thể hiện 39.602.508.000 đồng, tổng tiền hàng: 39.602.508.000 đồng. Tuy nhiên nếu tính theo số lượng 134.831.461 tấm nhân với đơn giá 2.937.000 đồng hoặc tính theo số lượng 2304 tấm nhân với đơn giá 2.937.000 đồng thì cột thành tiền không phải số tiền 39.602.508.000 đồng theo như hợp đồng số 16 thể hiện. Điều này cho thấy hợp đồng số 16 có nhầm lẫn về số lượng tấm PIN MONO 445 wp, do việc ký kết giữa các bên có sự nhầm lẫn về số lượng, các bên không khắc phục được sự nhầm lẫn để đi đến thống nhất, lỗi dẫn đến Hợp đồng số 16 không thực hiện được thuộc về cả hai bên. Do đó, xét mặc dù tại Điều 8 của Hợp đồng số 16 có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng nhưng do Hợp đồng số 16 cả hai bên đều có lỗi, hơn nữa phía nguyên đơn lại là bên soạn thảo hợp đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền phạt do vi phạm Hợp đồng số 16 cũng không xem xét.

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền phạt do vi phạm Hợp đồng mua bán số 16_11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020:*

Xét thấy, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng. Đây là quyền định đoạt tự nguyện của đương sự phù hợp với qui định của pháp luật được chấp nhận nên chấp nhận. Do vậy áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] *Đối với yêu cầu bị đơn trả tiền cọc theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020:*

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020 thể hiện nguyên đơn thanh toán tiền pin Canadian 6M cho bị đơn với số tiền 3.960.250.800 đồng. Tại phiên tòa ngày 08/9/2022, đại diện phía bị đơn xác nhận ngày 25/11/2020 bị đơn có nhận số tiền 3.960.250.800 đồng do phía nguyên đơn chuyển theo Hợp đồng số 16, tuy nhiên bị đơn cho rằng từ ngày 10 đến ngày 28/12/2020 bị đơn đã chuyển trả lại cho nguyên đơn qua tài khoản của ngân hàng với tổng số tiền 5.300.000.000 đồng, xác định giao dịch mua bán giữa hai bên đã được đối chiếu công nợ vào

c cuối năm 2020, khi đó bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 417.392.850 đồng.

Đại diện nguyên đơn cho rằng từ ngày 14/11/2020 đến ngày 18/12/2020 nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn của những hợp đồng khác với số tiền tổng cộng 18.421.874.050 đồng, số tiền 5.300.000.000 đồng bị đơn chuyển trả lại cho nguyên đơn là số tiền hàng còn dư lại theo các hợp đồng khác mà hai bên đã thực hiện giao hàng và nhận tiền không liên quan đến Hợp đồng số 16. Riêng Hợp đồng số 16 hai bên chưa thực hiện việc giao hàng, đồng thời xác định bảng thống kê các giao dịch ngân hàng Viettinbank chỉ xác nhận công nợ 417.392.850 đồng là tiền bị đơn còn nợ đối với các hợp đồng mua bán khác mà hai bên đã thực hiện không liên quan đến số tiền cọc 3.960.250.800 đồng của Hợp đồng số 16.

Do các bên trình bày có liên quan đến các hợp đồng mua bán khác nhau trong khoản thời gian mua bán qua lại giữa hai bên nên tòa sơ thẩm cũng cho thời gian để các bên cung cấp tài liệu để chứng minh, nhưng cả hai bên không cung cấp thêm chứng cứ nào khác. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định khi hợp đồng mua bán đã thực hiện xong thì hai bên không có ký thanh lý hợp đồng.

Xét, theo bảng sao kê chi tiết tài khoản của bị đơn cung cấp thể hiện sau ngày 25/11/2020 bị đơn đã chuyển khoản trả lại cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền tổng cộng hơn 5.000.000.000 đồng và bảng thống kê các giao dịch ngân hàng Viettinbank do phía bị đơn cung cấp thể hiện các giao dịch trong khoảng thời gian từ ngày 23/11/2020 đến ngày 25/12/2020. Ngoài ra phía nguyên đơn ký tên và đóng dấu của Công ty xác nhận tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 417.392.850 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bảng thống kê các giao dịch ngân hàng Viettinbank mà bị đơn cung cấp là do nguyên đơn lập, đại diện nguyên đơn cho rằng bảng thống kê này chỉ xác nhận số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn đối với các hợp đồng mua bán khác mà hai bên đã thực hiện xong và cho rằng số tiền hơn 5.000.000.000 đồng bị đơn chuyển trả lại cho nguyên đơn là số tiền của các hợp đồng mua bán khác không liên quan đến Hợp đồng số 16. Mặt khác do hai bên có mối quan hệ làm ăn qua lại với nhau từ trước và thực tế hai bên cũng có ký kết nhiều hợp đồng mua bán loại mặt hàng giống nhau, cả hai đều không có văn bản thể hiện việc hủy hay chấm dứt hợp đồng mà cho rằng chỉ điện thoại trao đổi, các phiếu chuyển tiền cũng chưa thể hiện rõ chuyển tiền thanh toán của hợp đồng nào một cách cụ thể chi tiết. Bị đơn thừa nhận có nhận tiền cọc của hợp đồng số 16, nhưng khi không thực hiện chưa chứng minh được việc hoàn trả tiền này cho nguyên đơn, hơn nữa nguyên đơn không thừa nhận việc chuyển trả lại số tiền này. Do các bên không có chứng cứ bằng văn bản

thỏa thuận số tiền cọc theo ủy nhiệm chi sẽ được chuyển trả vào các hợp đồng khác; sao kê chi tiết ngân hàng chưa thể hiện nội dung chuyển tiền gì, chuyển của hợp đồng nào. Riêng bảng thống kê các giao dịch ngân hàng Viettinbank tính đến ngày 25/12/2020 thể hiện tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 417.392.850 đồng nhưng không nêu rõ tiền gì, nguyên đơn cho rằng đây chỉ là xác nhận đối với các hợp đồng mua bán khác mà hai bên đã thực hiện. Riêng hợp đồng 16 này các bên chưa thực hiện đầy đủ và cũng chưa xử lý, bị đơn cũng không đưa ra tài liệu gì khác để chứng minh cho việc hoàn trả tiền cọc. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền cọc 3.960.250.800 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020 là có cơ sở xem xét. Từ đó cho thấy kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền cọc theo ủy nhiệm chi là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy sửa án sơ thẩm về phần này.

[3] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa số 16 vô hiệu.*

Xét thấy, Hợp đồng số 16 ký kết giữa các bên có sự nhầm lẫn về số lượng chủng loại hàng hóa và giá trị của hợp đồng nhưng các bên không khắc phục được sự nhầm lẫn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn thể hiện: “1. Trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”, do vậy việc bị đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng số 16 vô hiệu là có cơ sở. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ được giữ nguyên.

Về hậu quả pháp lý của Hợp đồng số 16 vô hiệu là do sự nhầm lẫn nên các bên hoàn trả cho nhau những gì đã thực hiện, bị đơn đã nhận số tiền cọc 3.960.250.800 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020 nên phải trả lại cho nguyên đơn như nhận định tại mục [2.2].

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:* Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Ngoài ra quan điểm nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Công ty TNHH TM&DV ĐD.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH TM&DV ĐD.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TM&DV ĐD đối với bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP về việc trả tiền cọc theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020.

Buộc Công ty CPĐTKTCNTP hoàn trả số tiền cọc 3.960.250.800 đồng (ba tỷ chín trăm sáu mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng) cho Công ty TNHH TM&DV ĐD.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH TM&DV ĐD về việc yêu cầu Công ty CPĐTKTCNTP trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP.

Tuyên bố Hợp đồng mua bán số 16_11/2020/HĐMB ngày 23/11/2020 ký giữa Công ty TNHH TM&DV ĐD với Công ty CPĐTKTCNTP vô hiệu.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP phải nộp án phí là 111.205.016 đồng (Một trăm mười một triệu hai trăm lẻ năm nghìn không trăm mười sáu đồng). Công ty TNHH TM&DV ĐD được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.454.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001201 ngày 07/7/2021 và 55.602.600 đồng (Năm mươi lăm triệu sáu trăm lẻ

hai nghìn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0001662 ngày 24/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn Công ty CPĐTKTCNTP được nhận lại **3.000.000** đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001420 ngày 02/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn không phải nộp, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2000.000đ tại biên lai thu số 0000243 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/4/2023

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Q Ninh Kiều
- VKSND tp Cần Thơ
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hồng D

